

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 156/2019/HS-PT
Ngày : 16-9-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 128/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Trương Công T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Công T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1993 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công D và bà Trần Thị Ngọc B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa: Ông Trần Hữu T Luật sư Công ty luật TNHH MTV B thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Quốc V - sinh ngày 22 tháng 12 năm 1988; Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. Nguyễn Khắc T - sinh ngày 05 tháng 01 năm 1989; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

3. Hồ Lê Hùng B- sinh ngày 20 tháng 3 năm 1996; Nơi cư trú: Khối 3, thị trấn B, huyện H1, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

4. Phan Đức N, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1979; Nơi cư trú: Khối 2, thị trấn B, huyện H1, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

5. Nguyễn Văn N, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1992; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

6. Đỗ Đức T, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1991; Nơi cư trú: Thôn D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

7. Phương Hoài Â; Nơi cư trú: Thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn H có nợ tiền của Lê Quốc V số tiền 110.000.000 đồng và quy định thời hạn trả nợ cụ thể. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, H đã không trả tiền cho V mà còn cố tình tránh mặt khi V đến nhà tìm.

Đầu tháng 10/2017, trong lúc đi chơi, V gặp Phương Hoài Â và kể cho Â nghe về việc H nợ tiền của V. Sau khi nghe V nói, Â hỏi V nợ nần có giấy tờ gì không, V đưa cho Â xem giấy mượn tiền do H viết. Sau đó, Â gọi điện thoại cho Nguyễn Khắc T về việc lấy nợ cho V. T đồng ý lấy nợ, V hứa chi 40.000.000 đồng nếu lấy được số tiền 110.000.000 đồng từ H.

Sáng ngày 05/10/2017, Nguyễn Khắc T cùng với Hồ Lê Hùng B đến gặp V và cùng V đến nhà tìm H nhưng không gặp được H, có gặp bà Nguyễn Thị K (là vợ đã ly hôn của Huỳnh Văn H) ở nhà. V và T nói chuyện với bà K rồi ra về. Sau đó V, T, B đến quán C nhậu. Trong quá trình ăn nhậu, Trung gọi điện thoại rủ Phan Đức N và một số người bạn của T đến nhậu. Sau đó T đã mượn tiền của V 5.000.000 đồng. Lê Quốc V trả tiền chi phí cho cuộc nhậu khoảng 10.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2017, V nghe thông tin có nhóm người ở Gia Lai đến nhà H đòi nợ. V sợ nhóm này sẽ lấy tiền hay tài sản tại nhà H, nên V gọi điện thoại báo T để bàn việc lấy nợ cho V.

Sáng ngày 07/10/2017, T đi xe máy từ thị trấn B đến nhà Â chờ Â cùng đến quán cà phê H. Tại đây, T và V bàn bạc thống nhất cùng đi lên nhà H để đòi nợ, nếu không có tiền thì sẽ lấy tài sản. Lê Quốc V chuẩn bị phương tiện như gọi cho Trần Tuấn A là tài xế xe ô tô Innova 7 chỗ đến chờ V đi công chuyện; Việt đến nhà thuê xe tải của Đỗ Văn N là tài xế xe tải đi chở hàng cho V. Sau đó Việt gọi cho Trương Công T bảo T đi lên A khiêng đồ cho V. T huy động lực lượng người đông để khiêng tài sản trong nhà

K. Sau đó V hẹn tất cả cùng đến quán cà phê H đợi nhóm người của T. Nguyễn Khắc T gọi điện cho Phan Đức N nói mấy anh em lên lấy đồ cho V và T gọi cho B. N từ nhà ở thị trấn B đi xe taxi hãng P do Bùi Quốc H điều khiển chở N cùng T A. Trên đường đi, Nhân liên lạc và đón Hồ Lê Hùng B, Nguyễn Văn N, Đỗ Đức T, Hà Quốc V, Hồ Thanh A cùng đi đến quán cà phê Hg gặp V. Sau đó tất cả cùng đi đến nhà bà K. Khi đi V, T, T, A đi xe Innova; T đi cùng xe tải của N; số còn lại đi trên xe taxi. Đến thôn 9, thị trấn A, Phan Đức N và Phương Hoài A xuống xe đi vào quán cà phê L ngồi uống cà phê, những người còn lại đi đến nhà bà K.

Khoảng 10h45 phút cùng ngày, khi đến nhà bà K, V ở lại trong xe, 03 tài xế ngồi trên xe; T vào nhà bà K đứng cạnh bàn bida, B, N, T, A, A, V xuống xe đi vào nhà bà K khiêng bộ ngựa gỗ. Thấy người lạ tự ý vào nhà khiêng tài sản, bà K chạy ra chỗ bàn bida la lớn *“Sao mấy anh vào nhà tôi khiêng đồ vậy, anh H ơi gọi báo giùm Công an”*, T đến giữ tay của bà K lại chỗ bàn bida không cho chạy ra ngoài hô hoán; những người khác tiếp tục khiêng tài sản ra chất lên xe tải. T ở trên thùng xe tải tham gia phụ chất tài sản chiếm đoạt được lên xe. Một lát sau, bà K vung tay ra chạy đến chỗ xe mô tô của anh Huỳnh S dựng trước quán, K định điều khiển xe đi báo cáo thì có 01 người trong nhóm T đến giật lấy chìa khóa. K tiếp tục chạy ra ngoài ngã tư chặn và mượn xe mô tô của ông Bùi N đi báo cáo cơ quan chức năng. Nhóm T nhanh chóng khiêng tài sản lên xe tải rồi chở tài sản lấy được về cất tại nhà ông Chung Nguyên V là bố vợ của Việt rồi cùng nhau đến quán C nhậu. N cùng T đi về nhà. Sau đó, V liên hệ xe dịch vụ đến đón N và A xuống quán C. Trong quá trình nhậu V, T, N, A đi ra bàn riêng ở phía trong quán nói chuyện, V nói chỉ lấy được tài sản nên trả 20.000.000 đồng, vì đã đưa trước 5.000.000 đồng cho T mượn trước đó nên V đưa thêm 15.000.000 đồng là tiền V thuê nhóm T đi lấy tài sản siết nợ cho V, V để tiền trên bàn rồi đi ra ngoài. T lấy 3.000.000 đồng đưa cho N, lấy 2.000.000 đồng đưa cho A; T và N gọi B, N, T, A, A, V vào; N lấy số tiền trong 15.000.000 đồng đưa cho T và B mỗi người 1.000.000 đồng; T đưa cho N và những người còn lại mỗi người 1.000.000 đồng, T trả tiền nhậu và tiền taxi, số tiền còn lại T lấy. Sau khi nhậu xong, tất cả ra về.

Số tài sản tại nhà bà K bị nhóm của Trung chiếm đoạt gồm: 01 bộ ngựa (04 tấm gỗ gỗ, kích thước mỗi tấm là 40 cmx10cmx238cm và lim KT 02 tấm gỗ rằn rằn làm chân ngựa); 01 xe mô tô hiệu Nouvo BKS: 77M1 – 018.88; 01 tivi nhãn hiệu LG 42 inch; 01 bộ loa thùng gồm 03 loa; 01 bàn ăn gỗ thiết Lim 50x120cm; 01 lục bình gỗ gỗ cao 120cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu trắng;

Kết luận định giá tài sản số: 18/KLĐG ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện A xác định: Tổng tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 32.682.900 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quốc V, Nguyễn Khắc T, Hồ Lê Hùng B, Trương Công T, Phan Đức N, Nguyễn Văn N, Đỗ Đức T đồng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 135; Điều 20; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 của BLHS năm 1999. Xử phạt: Bị cáo Trương Công T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo khác từ 06 tháng 09 ngày tù đến 15 tháng tù, tuyên về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26 tháng 4 ngày 2019, bị cáo Trương Công T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu xét xử lại vì bị cáo không có tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì bỏ lọt hành vi phạm tội của Phương Hoài Â, do đó không xem xét kháng cáo của bị cáo Trương Công T.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Thống nhất lời khai bị cáo Thạch tại phiên tòa phúc thẩm đồng thời đề nghị Tòa xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với Trương Công T như: Vai trò bị cáo không đáng kể, không hưởng lợi, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, có nhân thân tốt, địa chỉ rõ ràng, đang nuôi bà ngoại là vợ Liệt sỹ nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo có ý kiến: Thống nhất với người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá đúng tính chất nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội mà đối tượng Phương Hoài Â đã gây ra bởi vì: Đối tượng Â ngay từ đầu đã nhận lời V môi giới cho Lê Quốc V thuê nhóm bị cáo của Nguyễn Khắc T thực hiện hành vi đòi nợ cho V, trong ngày 07.10.2017 thì Â cũng theo xe đi cùng nhóm với V, T lên A để đòi nợ, đến nơi Â không tham gia vào nhà K lấy tài sản mà ngồi ở ngoài, sau khi thực hiện xong việc lấy nợ, đối tượng Â được T đưa 2 triệu đồng, do đó hành vi của Phương Hoài Â đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cưỡng đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức. Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về vấn đề bỏ lọt tội phạm đối với Phương Hoài Â trong vụ án: Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, VKSND huyện A và VKSND

tỉnh Bình Định không có kháng nghị và bản án sơ thẩm đã nhận định về hành vi của Á không có căn cứ chứng minh Á đồng phạm với các bị các khác.

[1.2] Mặc khác, Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của TAND huyện A chỉ có bị cáo Trương Công T kháng cáo, các bị cáo còn lại không kháng cáo và đã chấp hành xong hình phạt.

[1.3] Hơn nữa, theo lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm xác định: Khoảng đầu tháng 10.2017, Phương Hoài Á giới thiệu Trung gặp Việt để đòi anh H trả nợ cho V 110.000.000 đồng; Á không môi giới T đi cưỡng đoạt tài sản của bà K; sự việc T bàn với V tổ chức đi cưỡng đoạt tài sản của bà K thì Á không biết, không tham gia bàn bạc với V và T; tại quán cà phê L ở A thì Á mới biết việc cưỡng đoạt tài sản của bà K, nhận thấy việc này không đúng nên Á không tham gia; sau đó Á có nhận 02 triệu đồng do T giao. Như vậy, Á chỉ có hành vi môi giới cho T đòi anh H trả nợ cho V, không môi giới T đi cưỡng đoạt tài sản của bà K và khi T và V tổ chức đi cưỡng đoạt tài sản của bà K thì Á không biết, không tham gia bàn bạc với V và T, còn việc Á nhận 2 triệu đồng là tiền công môi giới cho T đòi anh H trả nợ cho V nên chưa đủ căn cứ và yếu tố quy kết Á phạm tội cưỡng đoạt tài sản với vai trò đồng phạm.

[1.4] Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo Trương Công T:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 07.10.2017 Trương Công T được Lê Quốc V nhờ lên A để chở đồ, mặc dù biết V nhờ đi đến nhà bà Nguyễn Thị K để siết tài sản nhưng T vẫn đồng ý tham gia, tại nhà bà Nguyễn Thị K nhóm đối tượng gồm T, B, N, T, A, A, V đã có hành vi khiêng tài sản của bà K chất lên xe tải do T điều khiển, T mở thùng xe tải và phụ các đối tượng này khiêng tài sản của bà K lên xe, sau đó V bảo T chở số tài sản này về nhà cha vợ của V để cất giấu. Như vậy bị cáo Trương Công T đã có hành vi giúp sức cho Lê Quốc V và các đối tượng khác thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” của người khác trái pháp luật nên tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 135 của BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trương Công T, HĐXX thấy rằng: Vai trò bị cáo trong vụ án không đáng kể, không hưởng lợi, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, có nhân thân tốt. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bị cáo Trương Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Công T.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 của BLHS năm 1999. Xử phạt: Bị cáo Trương Công T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQHSCNVCSA tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA huyện A;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định,
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường